

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giao dịch trong ngưỡng 1,275 – 1290 trước khi giảm mạnh vào cuối phiên xuống ngưỡng 1,255. Sau đó, chỉ số tăng trở lại và đóng cửa tại mốc 1,268.66, giảm hơn 12 điểm so với phiên hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 17/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Hóa chất dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Dầu khí,... Ở chiều ngược lại, ngành Ngân hàng là ngành duy nhất giữ được sắc xanh và đóng vai trò trụ đỡ cho thị trường. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Lực cầu bắt đáy tại ngưỡng 1,255 giúp chỉ số không giảm sâu hơn. Tuy nhiên, thanh khoản trong phiên giao dịch hôm nay tăng đột biến, chỉ số có thể tiếp tục quán tính giảm xuống vùng 1,250 – 1,255.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 17/07/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-12.52** điểm, đóng cửa tại **1268.66** điểm. HNX-Index **-4.01** điểm, đóng cửa tại **240.9** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **TCB (+1.81)**, **MBB (+1.29)**, **BID (+1.21)**, **CTG (+0.67)**, **ACB (+0.45)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-2.43)**, **HVN (-1.09)**, **MSN (-0.76)**, **FPT (-0.74)**, **VHM (-0.63)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **28,039** tỷ đồng, tăng **82.55%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 29,249 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 34.34 điểm. Thị trường có **109** mã tăng, **33** mã tham chiếu, **369** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **538.00** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (162.28 tỷ)**, **FPT (161.01 tỷ)**, **VCB (136.14 tỷ)**, **TCB (102.03 tỷ)**, **BID (94.01 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **14.48** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.24%**. Các mã diễn biến tích cực: **TCB(4.41%)**, **MBB(4.03%)**, **BID(1.80%)**.
- BSC50 **-0.46%**. Các mã diễn biến tích cực: **BMP(2.28%)**, **HDB(1.82%)**, **VIB(1.41%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.24%	-0.46%	-0.98%	0.16%
1 tuần	-1.01%	-1.02%	-0.37%	-0.58%
1 tháng	1.09%	2.62%	0.71%	0.41%
3 tháng	8.69%	8.39%	5.91%	5.95%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,268.66	240.90	97.27
% 1D	-0.98%	-1.64%	-1.01%
GTGD (tỷ VND)	28,039	1,908	1,916
%1D	82.55%	71.08%	44.81%
GDNN (tỷ VND)	538.00	14.48	56.60

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	162.28	MSN	-104.62
FPT	161.01	VHM	-45.01
VCB	136.14	VND	-41.45
TCB	102.03	CTR	-31.42
BID	94.01	PVD	-26.91

Thị trường thế giới

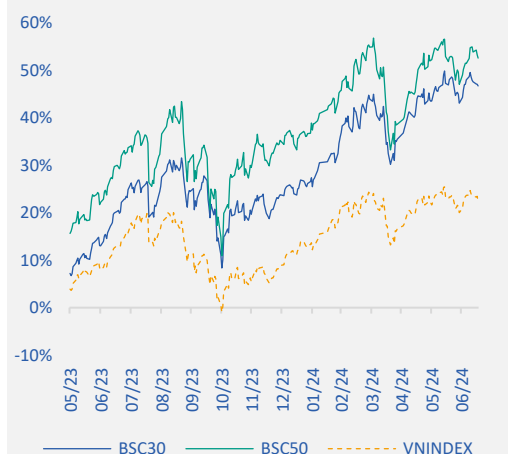
	%D	%W
SPX	0.64%	1.62%
FTSE100	-0.20%	-0.55%
Eurostoxx	-0.81%	-0.80%
Shanghai	-0.45%	0.80%
Nikkei	-0.31%	-1.19%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	83.58	-0.18%
Giá vàng	2,471	0.37%
Tỷ giá		
USD/VND	25,468	0.04%
EUR/VND	28,420	0.11%
JPY/VND	161	2.13%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	0.01%
LS LNH 1M	4.6%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	23.70	4.41%	1.81	7.05
MBB	24.50	4.03%	1.29	5.31
BID	48.00	1.80%	1.21	5.70
CTG	33.00	1.54%	0.67	5.37
ACB	24.50	1.66%	0.45	4.47

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	35.55	-6.94%	-2.43	4.00
HVN	29.10	-6.88%	-1.09	2.21
MSN	71.80	-2.97%	-0.76	1.44
FPT	131.90	-1.57%	-0.74	1.46
VHM	37.30	-1.58%	-0.63	4.35

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VC3	27.70	4.92%	0.11	0.11
PGS	31.00	6.16%	0.07	0.05
CLM	91.00	9.38%	0.07	0.01
DHT	74.00	1.23%	0.06	0.08
BTW	42.70	9.77%	0.03	0.01

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	41.50	-3.49%	-0.51	0.48
IDC	58.50	-2.66%	-0.38	0.33
HUT	17.00	-2.86%	-0.32	0.89
VCS	73.20	-2.53%	-0.22	0.16
LAS	24.40	-9.96%	-0.20	0.11

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HTV	10.15	6.95%	0.00	0.09
HRC	45.45	6.82%	0.02	0.00
DBT	13.65	6.64%	0.00	0.12
LGC	60.00	6.57%	0.19	0.00
PNC	9.86	6.48%	0.00	0.04

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VOS	23.25	-7.00%	-0.03	1.93
TNH	25.95	-6.99%	-0.05	2.24
PAC	46.70	-6.97%	-0.04	0.15
BFC	42.10	-6.96%	-0.04	2.32
IMP	86.90	-6.96%	-0.11	0.39

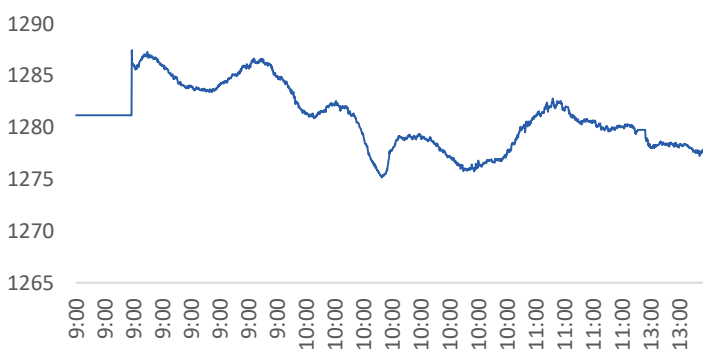
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BTW	11.10	9.90%	0.01	0.00
ATS	42.70	9.77%	0.15	0.00
CLM	17.50	9.38%	0.02	0.00
PPE	91.00	9.38%	0.36	0.00
TXM	12.10	9.01%	0.01	0.00

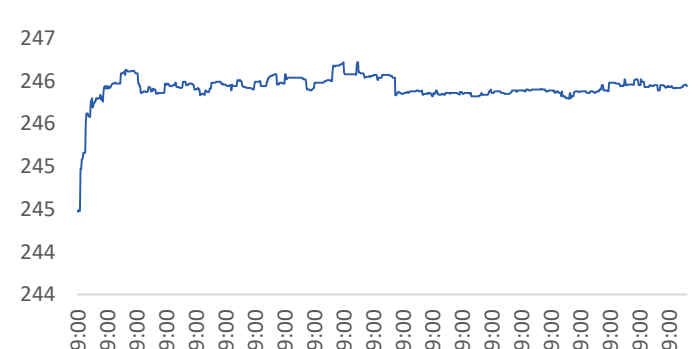
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LAS	24.40	-9.96%	-1.05	4.31
CMS	19.10	-9.91%	-0.18	0.79
HKT	8.60	-9.47%	-0.02	0.00
DTD	29.90	-9.12%	-0.59	2.90
VGS	38.20	-9.05%	-0.70	2.48

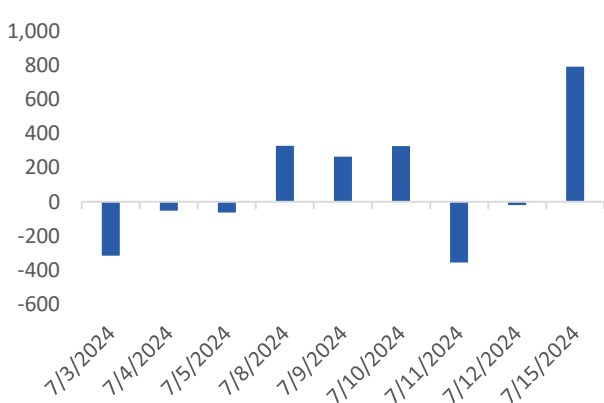
Hình 1
HSX-Index Intraday



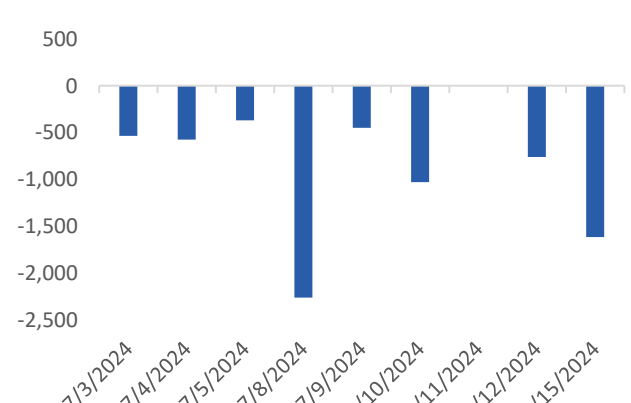
Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	88.0	0.10%	0.6	19,394	11.7	5,838	15.1	-	23.2%	Link
BID	Ngân hàng	48.0	1.80%	1.1	10,790	14.9	3,841	12.5	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	19.0	0.00%	1.0	5,944	26.2	1,397	13.6	-	26.7%	Link
TCB	Ngân hàng	23.7	4.40%	1.1	6,584	25.6	5,600	4.2	-	21.8%	Link
MBB	Ngân hàng	24.5	4.00%	1.0	5,126	69.9	3,818	6.4	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.4	1.70%	1.1	2,260	30.0	4,206	7.2	-	23.2%	Link
CTG	Ngân hàng	33.0	1.50%	1.3	6,988	29.4	3,751	8.8	-	26.1%	Link
ACB	Ngân hàng	24.5	1.70%	0.8	4,315	27.9	4,072	6.0	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	34.2	-0.70%	1.2	2,032	19.3	1,704	20.0	-	42.6%	Link
IDC	Xây dựng	58.5	-2.70%	1.2	761	4.6	5,880	9.9	65,700	24.1%	Link
HPG	VLXD	28.2	-0.90%	1.2	7,112	28.4	1,601	17.6	41,500	24.4%	Link
HSG	VLXD	23.7	-2.50%	1.7	576	21.5	1,423	16.7	25,300	20.4%	Link
VHM	BDS	37.3	-1.60%	1.0	6,404	10.3	5,074	7.4	108,300	15.7%	Link
KDH	BDS	36.9	-2.40%	1.4	1,163	9.6	726	50.9	44,500	39.6%	Link
NLG	BDS	42.0	-4.50%	1.3	637	6.8	1,040	40.4	-	49.4%	Link
DGC	Hóa chất	123.8	-1.30%	1.4	1,854	18.5	7,845	15.8	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	37.0	-5.40%	1.3	772	16.0	2,313	16.0	38,700	8.5%	Link
GAS	Dầu khí	78.0	-0.40%	0.6	7,064	4.8	4,688	16.6	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	41.5	-3.50%	1.1	782	6.4	1,992	20.8	57,000	21.6%	Link
PVD	Dầu khí	28.5	-4.00%	1.3	625	5.8	1,200	23.7	38,400	16.2%	Link
POW	Dầu khí	13.9	-6.70%	0.7	1,284	17.5	350	39.8	17,100	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	72.3	-2.30%	1.1	640	2.7	3,774	19.2	108,500	29.6%	Link
GMD	Logistics	81.0	-0.40%	0.8	992	6.5	8,430	9.6	90,400	48.1%	Link
VNM	Bán lẻ	65.7	-0.60%	0.6	5,414	9.0	4,408	14.9	93,100	50.1%	Link
MSN	Bán lẻ	71.8	-3.00%	1.3	4,283	16.6	215	333.4	110,000	28.5%	Link
MWG	Bán lẻ	63.5	-0.90%	1.3	3,661	42.5	717	88.5	-	46.8%	Link
PNJ	Bán lẻ	95.9	-1.20%	0.9	1,265	5.4	5,860	16.4	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	64.0	0.00%	1.7	422	9.1	2,200	29.1	66,600	24.4%	Link
FPT	Bán lẻ	131.9	-1.60%	1.0	7,596	36.3	5,335	24.7	107,900	45.2%	Link
CTR	Hạ tầng	138.4	-2.50%	1.3	624	5.0	4,582	30.2	-	10.4%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	25.2	1.80%	0.9	2,894	16.2	3,809	6.6	1.6	18.2%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.6	1.40%	1.1	2,161	7.4	3,315	6.5	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.8	0.00%	1.2	1,550	7.7	2,050	8.7	1.1	28.4%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.8	1.40%	1.2	1,167	9.1	2,310	6.4	0.9	29.4%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.6	-1.10%	1.0	1,273	4.4	1,147	16.2	1.4	2.9%	10.1%
HCM	Chứng khoán	25.9	-2.30%	1.6	719	7.1	1,175	22.0	2.1	45.1%	8.3%
VCI	Chứng khoán	46.9	-2.10%	1.7	817	7.9	1,409	33.3	2.5	19.2%	7.1%
VND	Chứng khoán	15.4	-3.40%	1.5	924	8.5	2,057	7.5	1.1	12.6%	13.1%
BSI	Chứng khoán	46.3	-3.90%	1.7	407	1.2	2,208	21.0	1.9	39.9%	9.0%
SHS	Chứng khoán	17.1	-1.70%	1.7	548	7.9	1,076	15.9	1.3	9.0%	5.7%
CTD	Xây dựng	71.6	-3.00%	1.1	282	3.8	2,709	26.4	0.8	47.1%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.3	-1.20%	1.5	200	1.5	833	14.8	0.6	8.2%	4.2%
LCG	Xây dựng	11.2	-2.60%	1.6	85	0.9	655	17.1	0.8	2.3%	4.6%
SZC	Xây dựng	38.6	-2.80%	1.2	274	2.0	1,515	25.5	2.3	3.1%	13.4%
SIP	Xây dựng	82.9	-4.60%	1.4	684	1.6	5,701	14.5	3.9	1.6%	26.9%
PHR	BĐS KCN	58.4	-5.50%	1.0	312	1.1	3,448	16.9	2.1	18.4%	18.3%
DIG	BĐS	24.5	-6.80%	1.7	589	34.3	(38)	-638.2	2.0	4.2%	2.1%
CEO	BĐS	16.9	-1.20%	1.3	343	6.3	312	54.2	1.5	4.8%	2.4%
KBC	BĐS KCN	27.0	-4.60%	1.5	817	6.4	1,262	21.4	1.1	20.4%	11.7%
VGC	BĐS KCN	51.1	-2.30%	1.2	903	0.7	2,746	18.6	2.8	5.1%	12.5%
GVR	BĐS KCN	35.6	-6.90%	1.5	5,607	15.0	628	56.6	2.8	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	24.8	-2.40%	1.6	258	7.1	1,222	20.3	1.2	15.4%	2.3%
BMP	Vật liệu	98.6	2.30%	1.0	318	2.6	11,420	8.6	3.0	83.3%	39.1%
IJC	Hạ tầng	14.6	-6.70%	1.5	218	4.7	865	16.9	1.2	4.6%	10.3%
DXG	BĐS	13.5	-3.20%	1.6	384	6.1	420	32.1	0.9	17.8%	1.1%
VRE	Bất động sản	19.8	-2.20%	1.2	1,770	13.6	1,966	10.0	1.2	22.9%	12.4%
PDR	Bất động sản	21.0	-6.50%	1.6	721	11.3	964	21.7	1.6	8.0%	7.2%
DIG	Bất động sản	24.5	-6.80%	1.7	589	34.3	(38)	-638.2	2.0	4.2%	2.1%
HUT	Xây dựng	17.0	-2.90%	1.3	598	1.5	73	232.7	1.5	1.5%	0.7%
C4G	Xây dựng	9.7	-1.00%	1.3	-	0.3	433	22.4	0.9	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	36.4	-6.90%	1.7	159	3.5	4,370	8.3	1.1	5.3%	16.1%
DHC	Hóa chất	39.7	-0.90%	1.1	126	0.8	3,461	11.5	1.7	39.8%	17.2%
DRC	Cao su	33.8	-6.50%	0.8	159	2.6	2,286	14.8	2.1	11.9%	13.2%
PC1	Điện	30.2	-3.50%	1.3	370	9.8	651	46.4	1.8	12.1%	4.1%
HDG	BĐS	30.2	-4.70%	1.3	400	13.5	2,061	14.7	1.5	15.6%	12.9%
GEX	Điện	22.1	-3.90%	1.7	742	11.5	625	35.4	1.5	8.8%	4.1%
QTP	Điện	15.6	-4.90%	0.5	-	1.7	1,549	10.1	1.3	1.3%	10.8%
PLX	O&G	45.0	-4.50%	1.0	2,255	6.8	2,570	17.5	2.1	17.8%	10.7%
BSR	O&G	22.6	-4.20%	1.2	-	15.3	2,588	8.7	1.2	0.7%	15.6%
PLC	O&G	25.9	-1.90%	1.5	82	0.4	1,112	23.3	1.6	0.3%	8.4%
ANV	Thủy sản	34.6	-0.70%	1.4	181	5.2	(252)	-136.8	1.6	1.1%	1.5%
PTB	Gỗ	72.2	-0.70%	0.7	191	0.6	4,765	15.2	1.8	25.0%	10.6%
VSC	Logistics	20.3	-5.60%	1.4	214	7.9	532	38.1	1.9	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	42.5	-4.20%	1.2	203	12.4	3,081	13.8	1.7	9.0%	12.1%
VTP	Logistics	80.0	-3.70%	1.5	384	6.4	2,980	26.8	6.0	6.9%	25.6%
DBC	Logistics	28.6	-4.70%	1.7	364	6.0	1,729	16.5	1.5	11.9%	0.5%
FRT	Bán lẻ	173.8	-1.00%	0.7	934	2.7	(2,215)	-78.5	14.1	36.0%	11.8%
QNS	Bán lẻ	49.1	-1.20%	0.6	-	1.6	6,737	7.3	2.0	15.0%	27.3%
TNG	Dệt may	24.6	-3.50%	1.2	119	3.6	1,981	12.4	1.6	19.1%	12.5%
PVT	O&G	28.9	-4.60%	1.0	406	6.2	3,150	9.2	1.3	14.0%	14.3%
DPM	Phân bón	35.2	-5.00%	1.3	543	9.5	1,372	25.7	1.2	8.1%	4.2%
REE	Tiện ích	72.2	-2.30%	1.0	1,338	6.0	4,706	15.3	1.7	49.0%	13.9%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639